

Đạo Tin Lành ở Gia Lai giai đoạn 1986-2004

Trần Thị Hằng

Học viện Chính trị khu vực III

Email liên hệ: hangtranhv3@gmail.com

Tóm tắt: Là một tỉnh nằm ở phía Bắc Tây Nguyên, Gia Lai là địa bàn có số lượng tín đồ đạo Tin Lành tăng nhanh nhất ở khu vực này. Tính đến cuối năm 2004, số tín đồ đạo Tin Lành ở Gia Lai đã lên đến 71.212 người. Bài viết đánh giá thực trạng phát triển của đạo Tin Lành ở Gia Lai giai đoạn 1986 – 2004. Đây là giai đoạn đạo Tin Lành ở Gia Lai nói riêng, ở Tây Nguyên nói chung có sự phát triển đột biến, dù từ năm 1980, về mặt tổ chức, đạo Tin Lành ở Tây Nguyên đã bị ngừng hoạt động vì liên quan đến tổ chức FULRO⁽¹⁾. Đây chính là tác nhân quan trọng dẫn đến sự ra đời của Chỉ thị 01/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ *Về một số công tác đối với đạo Tin Lành*.

Từ khóa: đạo Tin Lành, tỉnh Gia Lai, giai đoạn 1986 - 2004

Protestantism in Gia Lai in the period of 1986 - 2005

Abstract: Located in the North of the Central Highlands, Gia Lai is a province, where Protestants are said to be the fastest growing population. By the end of 2004, the number of Protestants in Gia Lai had reached 71,212. The paper is aimed to give an overview of the development of Protestantism in Gia Lai from 1986 to 2004. In this period, there was a sudden increase in the number of Protestants, in Gia Lai particularly and in the Central Highlands generally, even though the religion had been banned from operation since 1980 in the Central Highlands due to its involvement with FULRO⁽¹⁾. This sudden change is considered as a vital factor leading to the promulgation of Decree No. 01/2005/CT-TTg by the Prime Minister *On a number of tasks related to Protestantism*.

Keywords: Protestantism, Gia Lai, period of 1986 - 2004

Ngày nhận bài: 08/04/2020

Ngày duyệt đăng: 01/02/2021

1. Đặt vấn đề

Tin Lành là tôn giáo độc thần du nhập vào tỉnh Gia Lai vào năm 1938. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển thăng trầm, hiện nay đạo Tin Lành đã trở thành một trong những tôn giáo lớn và có ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều mặt đời sống xã hội trong cộng đồng các dân tộc ở tỉnh Gia Lai. Tuy vậy, những công trình nghiên cứu về đạo Tin Lành ở Gia Lai chưa nhiều, đặc biệt là về quá trình phát triển của đạo Tin Lành ở tỉnh Gia Lai trong giai đoạn 1986 đến 2004. Vì vậy, bài viết nhằm bổ sung nguồn tư liệu góp phần làm sáng tỏ một giai đoạn khá đặc biệt khi đạo Tin Lành ở tỉnh Gia Lai bị ngừng hoạt động về mặt tổ chức do liên quan đến lực lượng FULRO. Dẫu vậy, trong giai đoạn này đạo Tin Lành ở Gia Lai nói riêng và Tây Nguyên nói chung vẫn âm thầm phát triển, thậm chí có những thời điểm phát triển đột biến. Đây chính là một

trong những tác nhân quan trọng dẫn đến sự ra đời của Chỉ thị 01/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ “Về một số công tác đối với đạo Tin Lành”.

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học chuyên ngành và liên ngành như sử học, tôn giáo học với các phương pháp cụ thể chủ yếu là phương pháp lịch sử, tổng hợp, so sánh, đối chiếu, phân tích,... để xử lý tư liệu nhằm tái hiện bức tranh toàn cảnh về quá trình phát triển đạo Tin Lành ở tỉnh Gia Lai trong giai đoạn 1986 – 2004.

2. Nội dung chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo và với đạo Tin Lành

Đại hội toàn quốc lần thứ VI (1986) của Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện, đồng bộ, triệt để, có bước đi và cách làm phù hợp, thực hiện phương châm đa dạng hóa và đa phương hóa trong quan hệ quốc tế. Trong đường lối đổi mới đó, Đảng có sự đổi mới tư duy về tôn giáo, tín ngưỡng. Khởi đầu cho bước ngoặt phát triển về nhận thức này là sự ra đời của Nghị quyết số 24 (16-10-1990) của Bộ Chính trị khoá VI về *Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới*. Sự tập trung những luận điểm mang tính đột phá thể hiện đổi mới tư duy, nhận thức về tôn giáo đã đưa Nghị quyết 24 trở thành văn bản mở đầu trong bước ngoặt đổi mới nhận thức, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta. Nghị quyết đã xác định: “*Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới*” (Bộ Chính trị, 1990).

Đến năm 2003, sau 13 năm ra đời Nghị quyết số 24, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX có Nghị quyết số 25 NQ/TW “*Về công tác tôn giáo*”, đã xác định phương hướng và mục đích cơ bản của hoạt động tôn giáo và công tác tôn giáo. Có thể khẳng định, Nghị quyết 25 NQ/TW là sự tiếp nối phát triển thêm về công tác tôn giáo so với Nghị quyết số 24 (khóa VI), đánh dấu mốc quan trọng, khẳng định chính sách nhất quán của Đảng, Nhà nước là tôn trọng và bảo đảm tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Riêng đối với đạo Tin Lành, có các Thông báo số 184-TB/TW, ngày 30-11-1998 của Thường vụ Bộ Chính trị *Về chủ trương công tác đối với đạo Tin Lành trong tình hình mới*; Thông báo số 255-TB/TW, ngày 07-10-1999 của Bộ Chính trị *Về chủ trương công tác đối với đạo Tin Lành*; Quyết định số 11/QĐ-TTg, ngày 24-11-2000 của Thủ tướng Chính phủ *Về kế hoạch triển khai thông báo số 255/TB – TW*. Những văn bản này đã nêu chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với hoạt động của đạo Tin Lành, với các nội dung chủ yếu sau: Tin Lành là một trong các tôn giáo đang hoạt động ở Việt Nam. Đảng và Nhà nước không cấm đạo Tin Lành, chỉ cấm việc lợi dụng đạo Tin Lành vào những mục đích khác. Không có sự phân biệt đối xử tín đồ đạo Tin Lành với tín đồ các tôn giáo khác trên đất nước Việt Nam. Nhà nước không dùng các biện pháp hành chính để ép buộc quần chúng bỏ đạo hoặc ngăn cấm không cho theo đạo Tin Lành. Từng hệ phái Tin Lành được xem xét, cho phép hoạt động khi có hiến chương điều lệ, đường hướng hoạt động phù hợp với chính sách và pháp luật của Nhà nước. Đẩy mạnh công tác xây dựng, củng cố cơ sở Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể vững mạnh. Chăm lo giúp đỡ quần chúng phát triển đời sống kinh tế - xã hội, từng bước ổn định và

nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các vùng thiếu số, nhất là những nơi đạo Tin Lành đang phát triển mạnh như Tây Nguyên, Tây Bắc (Bộ Chính trị, 1998).

Trên cơ sở đó, ngày 15-01-2004, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX ra Thông báo số 160-TB/TW Về chủ trương công tác đối với đạo Tin Lành, nêu rõ: Cần hiểu rõ tính chất phức tạp, không đồng nhất của các hệ phái Tin Lành để có phương pháp ứng xử thích hợp. Công tác đối với đạo Tin Lành cần có cách làm thích hợp, đúng pháp luật, không để các phần tử chống đối khiêu khích, tạo cơ vu cáo Nhà nước vi phạm tự do tôn giáo, gây khó khăn cho Nhà nước trong quan hệ quốc tế. Cần nghiêm túc kiểm điểm, khắc phục những nhận thức và việc làm không đúng, không phù hợp đối với đạo Tin Lành.

Riêng đối với Tin Lành ở Tây Nguyên và các tỉnh miền Trung, Nam Trường Sơn, Ban Bí thư Trung ương Đảng chủ trương phải có kế hoạch và biện pháp thật cụ thể. Theo đó, cần cho phép những người theo đạo Tin Lành có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo thuần túy đăng ký hoạt động tu hành bình thường, tạo điều kiện thuận lợi về nhà nguyện, đào tạo chức sắc theo đúng quy định của pháp luật. Những đồng bào mới theo đạo Tin Lành chưa được công nhận tư cách pháp nhân, không liên quan đến hoạt động chính trị của lực lượng FULRO và các thế lực thù địch khác, có nguyện vọng sinh hoạt đạo thuần túy tại gia thì hướng dẫn đăng kí sinh hoạt tại những nhà có đủ điều kiện (Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX, 2004).

Đối với tỉnh Gia Lai, trên cơ sở nhận thức về vấn đề tôn giáo nói chung và đạo Tin Lành nói riêng, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Gia Lai đã kịp thời có những văn bản, chỉ thị và hướng dẫn triển khai chủ trương đường lối, chỉ thị của Trung Ương, ... đến các ban, ngành có liên quan trên địa bàn để thực hiện. Thông qua đó, vạch rõ bản chất phản động của tổ chức Tin Lành Đê Ga, sự lợi dụng đạo Tin Lành cho những mục đích chính trị của các thế lực thù địch.

Thực tiễn cho thấy, sự đổi mới nhận thức của Đảng về tôn giáo, tín ngưỡng đã tạo nền tảng cho việc tạo lập các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng của đồng bào có đạo và tính hiệu quả của quản lý nhà nước trong lĩnh vực này. Điều này có những tác động nhất định đến hoạt động của đạo Tin Lành trong giai đoạn 1986-2004.

3. Đạo Tin Lành ở Gia Lai từ năm 1986 đến năm 2004

Từ giữa thập niên 1980, Tin Lành đã phục hồi trở lại tại Gia Lai trong bối cảnh đất nước thực hiện đổi mới kinh tế theo hướng thị trường, đổi mới chính sách xã hội và bước đầu đổi mới nhận thức, quan điểm về tôn giáo. So với giai đoạn trước năm 1975, trong giai đoạn này, đạo Tin Lành ở Gia Lai trong giai đoạn này gặp nhiều khó khăn như chưa được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân, thiếu sự hỗ trợ từ bên ngoài, hạn chế về nhân lực, vật lực. Để khắc phục điều đó, các mục sư của đạo Tin Lành ở Gia Lai đã thực hiện chiến lược truyền giáo linh hoạt, phù hợp và thích ứng với điều kiện mới. Nhờ vậy, nhiều chi hội Tin Lành tại Gia Lai phục hồi và phát triển nhanh chóng, đặc biệt là vào những năm cuối thế kỷ XX.

Từ năm 2001, khi hệ phái Tin Lành Việt Nam (Miền Nam)⁽³⁾ (TLVN (MN)) được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân, hoạt động của đạo Tin Lành ở Gia Lai dần đi vào ổn định.

3.1. Về tín đồ, chức sắc

Về tín đồ

Từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX, đạo Tin Lành ở Gia Lai đã có sự củng cố tổ chức và âm thầm hoạt động trở lại. Từ sau năm 1986, tín đồ đạo Tin Lành ở Gia Lai bắt đầu tăng lên nhanh chóng (xem bảng 1).

Bảng 1. Tín đồ đạo Tin Lành ở Gia Lai qua một số năm

Năm	Tổng số tín đồ	Trong đó		
		Tín đồ người Kinh	Tín đồ người dân tộc thiểu số	Tín đồ thuộc HTTLVN (MN)
1982	8.681	1360	7321	7321
1986	12.000			12.000
1990	30.000			30.000
1994	34.597			34.597
1997	46.000	1365	44.635	
2000	94.215			90.668
2001	69.932			
2004	71.212	1383 (1,95%)	69.829 (98,05%)	70.000

(Nguồn: Công an tỉnh Gia Lai, 1995; Công an tỉnh Gia Lai, 2000; Công an tỉnh Gia Lai, 2001; Hội thánh TLVN (MN) tỉnh Gia Lai, 2016)

Vào năm 1982, tại Gia Lai mới chỉ có 8.681 tín đồ và những năm sau đó hầu như không tăng thêm thì đến năm 1986, số tín đồ đã tăng lên đến 12.000 người (HTTLVN (MN) tỉnh Gia Lai, 2016). Trong thập niên cuối thế kỷ XX, đạo Tin Lành ở Gia Lai tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Năm 1990 số tín đồ đã phát triển lên đến 30.000 người (HTTLVN (MN) tỉnh Gia Lai, 2016). Như vậy, chỉ trong vòng 4 năm, số tín đồ đã tăng gấp 2,5 lần và vẫn tiếp tục tăng lên trong những năm sau đó.

Tính đến tháng 9-1994, số lượng tín đồ Tin Lành ở Gia Lai đã lên tới 34.576 người, chiếm 4% dân số toàn tỉnh, ở 9/11 huyện thị xã với 93/153 xã, phường, thị trấn, gồm 276 làng (Công an tỉnh Gia Lai, 1995, trang 3), tập trung ở các huyện Ayun Pa, Chư Sê, Đức Cơ, Chư Prông, Chư Păh, Pleiku, Mang Yang... chủ yếu trong cộng đồng người Ba Na và người Gia Rai.

Tại Gia Lai, số tín đồ đạo Tin Lành trong thời gian này còn được bổ sung bởi tín đồ từ phía Bắc di cư đến, tuy số lượng không nhiều như ở các tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông. Vào khoảng cuối năm 2003 có gần 300 người dân tộc Dao, Sán Chỉ ở các tỉnh phía Bắc di cư tự do vào sinh sống tại 02 xã Ia Pơr của huyện Chư Prông và Ia Le của huyện Chư Sê. Họ tự nhận đã theo đạo "Thìn Hùng" ("Thìn Hùng" theo tiếng dân tộc Dao có nghĩa là "đức Chúa Trời") thuộc Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) và được một số mục sư thuộc Hội thánh miền Bắc giới thiệu với các mục sư ở Gia Lai và về sau sinh hoạt trong hệ phái TLVN (MN).

Có thể thấy, trong thời gian sau Đổi mới đến trước khi có Chỉ thị 01 của Thủ tướng Chính phủ Về một số công tác đối với đạo Tin Lành thì sự gia tăng tín đồ không ổn định qua các năm vì liên quan đến FULRO tác động. Bảng 1 cho thấy, trong những năm 90 của thế kỷ XX, số tín đồ

đạo Tin Lành ở Gia Lai tăng rất nhanh, nhất là từ năm 1997 đến 2000, chỉ trong vòng 3 năm, số tín đồ đạo Tin Lành đã tăng lên gần gấp 3, lên đến 94.215 vào năm 2000. Tuy nhiên, sau đó có hơn 20.000 tín đồ bị lực lượng FULRO lôi kéo theo Tin Lành Đê Ga nên đến cuối năm 2001, khi hệ phái TLVN (MN) được công nhận tư cách pháp nhân thì tín đồ đạo Tin Lành ở Gia Lai chỉ còn 69.932 người. Trong những năm sau đó, tín đồ lại tiếp tục tăng lên. Đến năm 2004, số tín đồ đạo Tin Lành ở Gia Lai là 71.212 người. Có những xã thuộc các huyện có nhiều tín đồ như Ayun Pa, Mang Yang, Ia Grai, ... số lượng tín đồ vượt quá 1.000 người, có những nơi tín đồ lên tới 70% đến 80% dân số, những xã có tín đồ đông như GLar, Ia Băng của huyện Đăk Đoa có số tín đồ lên tới 3.527 và 3.130 người (Đoàn Triệu Long, 2004, trang 41). Đặc biệt, có xã số tín đồ đến cuối năm 2004 đã tăng 30 lần so với trước năm 1975 như xã Ia Der của huyện Ia Grai (Ban Dân vận Trung ương, 2005, trang 3)

Tuy nhiên, chỉ có gần 30% trong số này là những tín đồ đã làm lễ Báp têm (được công nhận là tín đồ chính thức theo đúng giáo luật của đạo Tin Lành), 70% còn lại là tín đồ không chính thức (Công an tỉnh Gia Lai, 2001, trang 1). Theo quan điểm của các mục sư tại tỉnh Gia Lai mà tác giả đã tiếp xúc thì có đến 50% số tín đồ không hiểu rõ ràng, đầy đủ về giáo lý, giáo luật và không có niềm tin sâu sắc. Trong số này, có người tin Chúa, nhưng cũng có không ít người theo đạo Tin Lành vì những lý do và mục đích khác nhau. Có thể họ theo đạo Tin Lành vì bị những thành viên trong gia đình, trong làng đã theo Tin Lành thúc ép, có thể họ theo vì có lợi về kinh tế, có thể vì thấy nhiều người tin theo nên mình cũng theo... Chính điều này cũng lý giải vì sao nhiều tín đồ đạo Tin Lành rất dễ chuyển từ hệ phái này sang hệ phái khác.

Có thể thấy, sự phát triển tín đồ giữa các hệ phái không đều nhau, chủ yếu tập trung ở hệ phái TLVN (MN), chiếm đến 96% số tín đồ, 4 hệ phái còn lại Liên hữu Cơ đốc, Truyền giáo Cơ đốc, Cơ đốc Phục lâm chỉ chiếm khoảng 4% số tín đồ (Công an tỉnh Gia Lai, 2001, trang 1). Bên cạnh đó, tín đồ phân bố không đều tại các địa bàn, phát triển nhất tại các huyện Đăk Đoa, huyện Chư Sê, Ayun Pa, Pleiku, Krông Pa, có nơi số tín đồ lên đến hơn 20.000 người như huyện Đăk Đoa (số tín đồ của hệ phái TLVN (MN) ở huyện Đăk Đoa là 24.935 người năm 2000) nhưng cũng có những địa bàn chỉ có mấy chục tín đồ, như huyện An Khê chỉ có 69 tín đồ năm 2000 (Công an tỉnh Gia Lai, 2000).

Đồng thời, tín đồ đạo Tin Lành ở Gia Lai phát triển chủ yếu trong bộ phận đồng bào các dân tộc thiểu số (chiếm đến 98,05%), cụ thể trong cộng đồng người Gia Rai và Ba Na, bộ phận người Kinh tăng thêm không đáng kể (tín đồ người Kinh chỉ chiếm 1,95%) (bảng 1). Điều dễ nhận thấy là, ở những vùng có đông người dân tộc thiểu số sinh sống phần lớn là những vùng có đời sống kinh tế thấp, dân trí chưa cao, lại chưa có một tôn giáo chính thức, chỉ có tín ngưỡng cổ truyền mà tín ngưỡng cổ truyền lúc này đang bị suy thoái, không còn đủ sức làm chỗ dựa cho đồng bào. Do đó, các nhà truyền giáo Tin Lành ra sức tận dụng những điều này.

Về chức sắc

Tại Gia Lai, thời gian này Hội thánh Tin Lành đã khắc phục khó khăn về đội ngũ truyền giáo bằng cách đào tạo hàm thụ và tự phong mục sư, truyền đạo cho đội ngũ người Gia-rai, Ba-na từng học dở dang tại Trường Kinh thánh Đà Lạt, Thánh kinh Thần học viện Nha Trang trước năm 1975. Bên cạnh đó, Tin Lành cũng lựa chọn hạt nhân truyền đạo mới là những

thanh niên có năng lực, năng động trong sinh hoạt đạo để kết nối, huấn luyện, đào tạo họ trở thành đội ngũ dẫn dắt các sinh hoạt tôn giáo và tiên phong trong truyền đạo. Từ năm 1986 đến năm 2001, việc đào tạo chức sắc chủ yếu là tham gia lớp học “thầm lặng” do Mục sư Đoàn Văn Miêng và Mục sư Phạm Xuân Thiều giảng dạy không công khai, bên cạnh đó có một số chức sắc như Siu Y Kim, Siu Pek, Võ Minh Hùng ...tham gia học ở Viện Thánh kinh Thần học Nha Trang hoặc tại Lâm Đồng. Đến năm 2004, Ban Đại diện Tin Lành tỉnh xin phép chính quyền tỉnh Gia Lai mở lớp bồi dưỡng thần học (hệ trung cấp) cho 58 người (Hội thánh TLVN (MN) tỉnh Gia Lai, 2016).

Sau năm 2001, khi hệ phái TLVN (MN) được công nhận tư cách pháp nhân thì công tác đào tạo giáo sĩ chức sắc được giáo hội đặc biệt quan tâm, tạo điều kiện cho một số tham gia chương trình đào tạo hàm thụ từ xa, mở các lớp bồi dưỡng thanh niên cốt cán tích cực. Có 20 cốt cán tích cực được cử về Đà Nẵng dự hội đồng bồi linh để nghiên cứu tìm hiểu sâu về Kinh Thánh (Hội thánh TLVN (MN) tỉnh Gia Lai, 2016, trang 3).

Số lượng chức sắc của TLVN (MN) tăng lên theo các năm. Năm 1985 ở Gia Lai có 3 mục sư, 19 truyền đạo sinh và 24 truyền đạo tự nguyện (Công an tỉnh Gia Lai, 2000); năm 2000 có 17 chức sắc, bao gồm 2 mục sư (01 người dân tộc thiểu số, 01 người Kinh), truyền đạo 15 người (trong đó 11 người dân tộc thiểu số, 04 người Kinh) và 500 cốt cán (Công an tỉnh Gia Lai, 2001); đến năm 2004 số mục sư và mục sư nhiệm chức ở Gia Lai đã tăng lên 28 người (Ngô Văn Minh, 2016, trang 59). Như vậy, trong thời gian từ năm 1985 đến 2004, số mục sư và mục sư nhiệm chức của đạo Tin Lành ở Gia Lai đã tăng lên gấp 9 lần, chủ yếu là tăng sau thời điểm năm 2001 khi nhà nước công nhận tư cách pháp nhân cho hệ phái TLVN (MN) và số mục sư, mục sư nhiệm chức trong giai đoạn này hầu hết của hệ phái TLVN (MN).

3.2. Về địa bàn truyền đạo

Hoạt động mở rộng địa bàn luôn được đội ngũ mục sư và truyền đạo của đạo Tin Lành ở Gia Lai quan tâm đẩy mạnh. Vì vậy, cho đến năm 1982, đạo Tin Lành đã có mặt tất cả 8/8 huyện, thị xã của tỉnh Gia Lai⁽⁵⁾. Thế nên về địa bàn truyền đạo của đạo Tin Lành ở Gia Lai sau này chủ yếu phát triển thêm ở các làng, xã và một số huyện mới được tách ra từ những huyện cũ mà tại đó chưa có đạo Tin Lành.

Đến năm 1986, đạo Tin Lành có mặt ở 83 xã, 8/9 huyện, thị (năm 1984 có thêm huyện K'Bang vừa được tách ra từ huyện An Khê và đây là vùng chưa có sự hiện diện của đạo Tin Lành). Tuy nhiên trong thời kì này, đạo Tin Lành phát triển chủ yếu ở các huyện Ayun Pa, Krông Pa, Chư Sê, Pleiku, Mang Yang vì đây là những địa bàn có đông người Gia-rai và Ba-na sinh sống, đồng thời trước đây con đường đạo Tin Lành du nhập vào Gia Lai là do truyền đạo tập sự Phạm Xuân Tín từ Buôn Mê Thuột qua Ayun Pa, từ đó Tin Lành bắt đầu lan sang các địa bàn khác như Krông Pa, Pleiku (có trung tâm truyền giáo Plei Chuet), sau đó phát triển xuống la Grai, Chư Păh... Đến năm 1994, đạo Tin Lành có mặt ở 285 làng, 95/153 xã, 9/11 huyện, thị xã (Công an tỉnh Gia Lai, 1995, trang 4) (từ năm 1991, tỉnh Gia Lai được tách ra từ tỉnh Gia Lai – Kon Tum cũ với 11 huyện, thị xã). Nếu so với năm 1975 thì đạo Tin Lành đã tăng thêm ở 238 làng, thôn và 53 xã, phường.

Năm 2000, đạo Tin Lành có mặt ở 104 xã, phường và 11/13 huyện, thành phố (Công an tỉnh Gia Lai, 2001) (năm 1996 thành lập huyện Ia Grai trên cơ sở tách ra từ huyện Chư Păh, năm 2000 thành lập huyện Đăk Đoa trên cơ sở tách ra từ huyện Mang Yang nên tổng số huyện thị lúc này của tỉnh Gia Lai là 13), bao gồm: thành phố Pleiku và các huyện: Đăk Đoa, Chư Sê, Chư Prông, Ia Grai, Chư Păh, Đức Cơ, Mang Yang, Ayun Pa, Krông Pa, An Khê. Như vậy, so với năm 1994 thì đạo Tin Lành đã mở rộng địa bàn ở 9 xã.

Đến cuối năm 2004, đạo Tin Lành có mặt ở 109 xã, phường, 355 thôn và 13/15 huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Gia Lai (năm 2002 thành lập huyện Ia Pa trên cơ sở tách ra từ huyện Ayun Pa, năm 2003 thành lập huyện Đăk Pơ trên cơ sở tách ra từ huyện An Khê). Như vậy, phần lớn huyện, thị xã, thành phố ở Gia Lai đã có mặt của tín đồ Tin Lành. Tại huyện Mang Yang có đến 18/23 xã có tín đồ đạo Tin Lành, còn ở huyện Chư Sê chỉ còn lại 2 trong tổng số 13 xã và thị trấn là chưa có tín đồ Tin Lành mà thôi. Nếu so với năm 1986, đạo Tin Lành đã phát triển thêm ở 26 xã và hàng trăm thôn, làng. Hoạt động củng cố phát triển đạo Tin Lành ở Gia Lai trong thời gian này không chỉ thuần túy ở vùng đã có đạo mà còn phát triển nhanh vào vùng xa, vùng biên giới như ở các xã Kong triêng của huyện Mang Yang, xã Ia O của huyện Chư Păh, Ia Blon, Ia Đon, Ia Nan của huyện Đức Cơ.

Hai huyện Kông Chro và K'Bang thời điểm này chưa có đạo Tin Lành, sở dĩ như vậy bởi đây là hai huyện miền núi nằm phía đông bắc tỉnh Gia Lai, điều kiện đi lại hết sức khó khăn, đặc biệt đây là những vùng căn cứ cách mạng trong kháng chiến chống Mỹ, nên đạo Tin Lành khó du nhập hơn những địa bàn khác.

Có thể thấy trong giai đoạn từ 1986-2004, địa bàn truyền đạo của đạo Tin Lành ở Gia Lai chủ yếu là mở rộng ở các làng, xã và một số huyện mới được tách ra nhưng tại đó chưa có đạo Tin Lành. Sở dĩ như vậy vì cho đến năm 1975, đạo Tin Lành đã có mặt ở khắp các huyện, thị trên địa bàn tỉnh Gia Lai và sau một thời gian trầm lắng, từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX, đạo Tin Lành bắt đầu phục hồi và phát triển thì số chức sắc, tín đồ cũ hoạt động trở lại trên nền tảng cơ sở, địa bàn đã có từ trước.

3.3. Về hệ thống tổ chức, hệ phái

Đạo Tin Lành không lập ra tổ chức giáo hội mang tính chất tập hợp, thống nhất cho toàn đạo, mà theo hướng xây dựng các giáo hội riêng rẽ, độc lập với những hình thức khác nhau theo từng hệ phái, hoặc theo từng quốc gia. Trong cơ cấu tổ chức giáo hội, các hệ phái Tin Lành chủ động giao quyền tự trị cho các giáo hội quốc gia; giáo hội quốc gia lại giao quyền tự lập, tự trị, tự dưỡng cho các hội thánh cơ sở. Các cấp giáo hội bên trên hình thành phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cho phép, thậm chí một số hệ phái còn cho tín đồ tự do tách khỏi hệ phái này tham gia hệ phái khác, hoặc đứng độc lập.

Tại Gia Lai, vào năm 1957, hệ phái Cơ đốc Phục lâm phát triển được một Hội thánh do Mục sư Phạm An Vui làm quản nhiệm, nhưng đến năm 1978 do điều kiện lịch sử phái này sáp nhập vào Hội thánh Tin Lành Việt Nam. Năm 1998, do những mâu thuẫn về quyền lợi, các hệ phái Liên hữu Cơ đốc, Ngũ tuần, Cơ đốc Phục lâm đã ra đời từ việc tách ra khỏi Hội thánh TLVN (MN). Như vậy, từ việc chỉ có 1 hệ phái là TLVN (MN) vào năm 1986 thì đến năm 1998 ở Gia Lai đã tăng lên 5 hệ phái Tin Lành và số lượng hệ phái này vẫn duy trì đến hết năm 2004 (Công an tỉnh Gia Lai, 1995, trang 4), gồm:

- Hệ phái Tin Lành Việt Nam (Miền Nam)

Hội thánh TLVN (MN) là Hội thánh gốc của Hội thánh Tin Lành Việt Nam do Hội Truyền giáo CMA truyền vào năm 1911. Đến năm 1975 có khoảng 180.000 tín đồ, 530 chi hội ở các tỉnh từ vĩ tuyến 17 trở vào. Sau năm 1975, Hội thánh TLVN (MN) hoạt động liên tục, bình thường đến năm 2001 thì được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân về mặt tổ chức. Tin Lành trở thành một tôn giáo lớn tại Việt Nam, nhất là vùng Tây Nguyên nói chung, Gia Lai nói riêng. Nhiều nơi, các chi hội Tin Lành được phục hồi, tái thành lập và thành lập mới.

Tại Gia Lai, đến năm 1986, số người theo hệ phái TLVN (MN) khoảng hơn 12.000 người. Từ đó, hệ phái TLVN (MN) bắt đầu phát triển lên tới 30.000 người vào 1990 và 91.800 người vào năm 2000, có 2 mục sư tự phong, 8 truyền đạo, 8 truyền đạo tập sự, 102 truyền đạo tự nguyện, 197 nhà nguyện (Hội thánh TLVN (MN) tỉnh Gia Lai, 2016). Khi FULRO lập ra "Tin Lành Đê Ga", lực lượng này đã lôi kéo được hơn 20.000 rời bỏ Tin Lành Việt Nam, nên tới thời điểm đầu năm 2001 (khi hệ phái TLVN (MN) được công nhận tư cách pháp nhân), hệ phái TLVN (MN) ở Gia Lai chỉ còn khoảng hơn 69.000 người (Hội thánh TLVN (MN) tỉnh Gia Lai, 2016). Sau khi được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân vào năm 2001, từng bước một các điểm nhóm được chính quyền tỉnh Gia Lai tạo điều kiện để đăng ký, các chi hội được công nhận. Tháng 07-2003, 05 chi hội Tin Lành được chính quyền tỉnh Gia Lai cho phép tổ chức Hội đồng lần thứ nhất. Sau hội nghị của Ban Tôn giáo chính phủ về việc tiếp tục triển khai công tác đối với đạo Tin Lành ở các tỉnh Tây Nguyên và Bình Phước. Tháng 8.2004, tại Gia Lai Ban Dân tộc và Tôn giáo tỉnh phối hợp với các ngành chức năng ở tỉnh hướng dẫn cho các huyện, thành phố tiến hành triển khai cho phép Hội đồng các chi hội đủ điều kiện và hướng dẫn Ban Đại diện Tin Lành làm các thủ tục xin phép Hội đồng. Đầu tháng 12-2003, 03 chi hội Tin Lành thuộc hệ phái TLVN (MN) ở 03 huyện Ayun Pa, Ia Grai, Chư Sê tiến hành tổ chức Hội đồng. Từ 13 đến 18-12-2003, các chi hội Plei Breng (Ia Grai), Plei Betel (Chư Sê) và Plei A Thái (Ayun Pa) tổ chức Hội đồng lần thứ nhất thành công (Hội thánh TLVN (MN) tỉnh Gia Lai, 2016). Tính đến cuối năm 2003, trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã có 10 chi hội thuộc hệ phái TLVN (MN) đã tổ chức Hội đồng lần thứ nhất và đi vào hoạt động ổn định (Đoàn Triệu Long, 2004, trang 60). Bên cạnh đó, tỉnh Gia Lai cũng tạo điều kiện cho 02 thí sinh của hệ phái TLVN (MN) nộp hồ sơ vào Học viện Thánh kinh thần học khóa I (2003-2006) và 5 người học khóa II (2004-2007), tạo điều kiện cho 11 đại biểu đi dự Đại hội đồng Giáo phẩm năm 2003 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo thống kê của hệ phái TLVN (MN), năm 2004 tại Gia Lai có 70.000 người theo hệ phái TLVN (MN) (trong đó dân tộc Gia-rai khoảng 50.000 tín đồ, dân tộc Ba-na có khoảng 18.000 tín đồ) (Hội thánh TLVN (MN) tỉnh Gia Lai, 2016). Ngoài ra còn có khoảng 650 người theo Tin Lành ở các tỉnh tiếp giáp (Huyện Sa Thầy - Kon Tum; Eahleo - Đăk Lăk và Sông Hinh - Phú Yên) đang sinh hoạt và chịu sự chỉ đạo của các chức sắc tại tỉnh Gia Lai. Số đã được làm lễ Báp têm là 32.645 tín đồ, có một Ban Đại diện Tin Lành tỉnh gồm 3 thành viên, 10 Mục sư (Kinh: 03; Dân tộc thiểu số: 07), 05 Mục sư nhiệm chức (Dân tộc thiểu số: 04; Kinh: 01); có 135 truyền đạo tập sự (Hội thánh TLVN (MN) tỉnh Gia Lai, 2016).

- Hệ phái Truyền giáo Cơ đốc

Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam chính thức ra đời ngày 01.9.1956, do một số mục sư, truyền đạo vốn là thành viên sáng lập nên Hội thánh Tin Lành Việt Nam (nay là Hội thánh Tin Lành Việt Nam - Miền Nam) trước đây, trong đó có một mục sư nước ngoài - mục sư Gordor

Smith nguyên là giáo sĩ của Hội Liên hiệp Phúc âm Truyền giáo (CMA). Phạm vi hoạt động chủ yếu ở các tỉnh duyên hải miền Trung và ở một số tỉnh Tây Nguyên như Gia Lai, Đắk Lắk, Kon Tum.

Tại Gia Lai, trong quá trình hoạt động, do mâu thuẫn giữa các mục sư, truyền đạo với nhau nên năm 1995 truyền đạo Ksor Đek đã tách khỏi Hội thánh Tin Lành miền Nam chuyển sang theo hệ phái Cơ đốc truyền giáo. Đến năm 2000, hệ phái Truyền giáo Cơ đốc có khoảng 1.200 tín đồ (Công an tỉnh Gia Lai, 2000).

- Hệ phái Tin Lành Cơ đốc Phục lâm

Tại An Khê, năm 1957, phái Cơ đốc Phục lâm phát triển được một Hội thánh do Mục sư Phạm An Vui cai quản, cho đến năm 1978 do điều kiện lịch sử phái này sát nhập vào Hội thánh Tin Lành Việt Nam. Năm 1998, hệ phái Cơ đốc Phục lâm lại xuất hiện ở Gia Lai sau khi tách ra từ Hội thánh TLVN (MN) do những mâu thuẫn về quyền lợi. Đến năm 2000, số tín đồ của hệ phái Cơ đốc Phục lâm là 200 tín đồ, trong đó toàn bộ tín đồ là người dân tộc thiểu số (Công an tỉnh Gia Lai, 2000, trang 1).

- Hệ phái Liên hữu Cơ đốc

Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam có nguồn gốc từ Hội thánh TLVN (MN) do mục sư Hoàng Kim Thanh lập ra được Chính quyền Sài Gòn công nhận năm 1974. Sau năm 1975, Hội thánh Liên hữu Cơ đốc hoạt động mờ nhạt, cho đến những năm 1980 mới khôi phục hoạt động, đặc biệt mạnh lên sau khi sáp nhập với nhóm của mục sư Đinh Thiên Tứ, cũng là chức sắc của Hội thánh TLVN (MN) đi theo xu hướng Ngũ tuần.

Tại Gia Lai, hệ phái Liên hữu Cơ đốc được tách ra từ hệ phái TLVN (MN) vào năm 1998 do những mâu thuẫn về quyền lợi, đến năm 2000 số tín đồ của hệ phái Liên hữu Cơ đốc là 1.000 tín đồ (Công an tỉnh Gia Lai, 2000).

- Hệ phái Ngũ tuần

Tại Gia Lai, năm 1998, hệ phái Ngũ tuần đã ra đời từ việc tách ra khỏi hệ phái TLVN (MN). Đến năm 2000, hệ phái Ngũ tuần ở Gia Lai có 150 tín đồ (Công an tỉnh Gia Lai, 2000). Tuy nhiên, đến năm 2003, hệ phái Ngũ tuần ở Gia Lai tự giải tán, một số tín đồ sau đó chuyển sang sinh hoạt tại hệ phái Menonite và một số sinh hoạt tại hệ phái Tin Lành Giám lý.

3. Kết luận

Nghiên cứu về đạo Tin Lành ở Gia Lai từ năm 1986 đến năm 2004 có thể rút ra một số nhận xét sau:

Một là, số lượng tín đồ tăng nhanh, chủ yếu là ở bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số. Trong giai đoạn này, số tín đồ đạo Tin Lành ở Gia Lai đã tăng thêm 49.708 người, tức tăng thêm 39%, trong đó tập trung chủ yếu ở bộ phận đồng bào các dân tộc thiểu số. Trong tổng số 71.212 tín đồ, có đến 69.829 người là đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm đến 98,05%, nhiều nhất là 2 dân tộc Gia Rai và Ba Na (hai dân tộc cư trú lâu đời và có dân số đông tại Gia Lai). Trong số 5 hệ phái, chỉ có hệ phái TLVN (MN) có tín đồ là người Kinh với tổng số 1.383 người (chiếm khoảng 1,95%) (Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) tỉnh Gia Lai, 2016, trang 4).

Hai là, tín đồ phân bố không đều ở các huyện. Mặc dù tính đến thời điểm cuối năm 2004, đạo Tin Lành đã có mặt ở 13/15 huyện, thị của tỉnh Gia Lai, tuy nhiên giữa các địa

phương có sự phân bố không đều. Tín đồ đông nhất tại các huyện Đăk Đoa, Chư Sê, Ayun Pa, Pleiku, Krông Pa, có nơi số tín đồ lên đến hơn 20.000 người như huyện Đăk Đoa (số tín đồ của hệ phái TLVN (MN) ở huyện Đăk Đoa là 24.935 người năm 2000) nhưng cũng có những địa bàn chỉ có mấy chục tín đồ, như huyện An Khê chỉ có 69 tín đồ vào năm 2000 (Công an tỉnh Gia Lai, 2000).

Ba là, có sự phát triển không đều giữa các hệ phái. Trong 5 hệ phái tại Gia Lai năm 2004, hệ phái Tin Lành Việt Nam (miền Nam) chiếm đến 92,09% tổng số tín đồ của tôn giáo này (70.000 tín đồ/71.212 tín đồ). Các hệ phái còn lại chỉ có 1.212 tín đồ, chiếm khoảng gần 8% ((Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) tỉnh Gia Lai, 2016, Số liệu thống kê tín đồ Hội thánh). Bên cạnh đó, niềm tin của nhiều tín đồ đạo Tin Lành ở Gia Lai không ổn định, còn mờ nhạt và mức độ tín ngưỡng của các tín đồ cũng rất khác nhau; chỉ có gần 30% trong số này là những tín đồ đã làm lễ Báp tem (được công nhận là tín đồ chính thức theo đúng giáo luật), 70 còn lại là tín đồ không chính thức. Trong số này, có người tin theo Chúa, nhưng cũng có nhiều người theo Tin Lành vì những mục đích khác.

Lí giải cho sự phát triển nhanh chóng trên đây của đạo Tin Lành ở Gia Lai, có thể kể đến một số nguyên nhân sau: *Thứ nhất*, chính sách mới của Đảng và Nhà nước, tạo điều kiện cho đạo Tin Lành được hoạt động hợp pháp nên các hệ phái Tin Lành đẩy mạnh hoạt động truyền đạo, phát triển tín đồ; *Thứ hai*, một bộ phận tín đồ trước đây theo “Tin Lành Đê Ga” sau đó từ bỏ và quay trở lại sinh hoạt tại các hệ phái mà nhiều nhất là hệ phái Tin Lành Việt Nam (miền Nam); *Thứ ba*, lực lượng truyền đạo trong thời kì này tận dụng những tác động từ tình hình thế giới đó là xu hướng mở cửa, hội nhập sâu rộng của các quốc gia và chính sách mở cửa của Đảng và Nhà nước ta là muốn hòa nhập, giao lưu và là bạn với tất cả các nước, với tinh thần tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Tận dụng chính sách này, đạo Tin Lành cũng đẩy mạnh hoạt động truyền giáo thông qua hoạt động từ thiện, nhân đạo, du lịch, thăm thân nhân,...

Chú thích:

(1) Tên viết tắt của tổ chức “Front Unifié pour la Libération des Races Opprimées” tức “Mặt trận thống nhất giải phóng các chủng tộc bị áp bức”, một tổ chức vũ trang phản động do nước ngoài nuôi dưỡng và chỉ đạo.

(2) Được dịch ra từ cụm từ tiếng Anh: The Christian and Missionary Alliance, viết tắt là CMA.

(3) Sau hiệp định Geneve năm 1954, Việt Nam bị chia cắt thành 2 miền, lúc này hệ phái Tin Lành Việt Nam cũng phân hóa thành 2 nhánh đó là hệ phái Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) và hệ phái Tin Lành Việt Nam (miền Nam).

(4) Quan điểm của các mục sư đạo Tin Lành ở Gia Lai mà tác giả đã tiếp xúc: Mục sư Võ Minh Hùng, Mục sư Uyên (Ủy viên Ban đại diện Tin Lành – Quản nhiệm chi hội Kông Breck, Adek, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai), Mục sư Úy (Quản nhiệm chi hội HNam Bok Kei Dei Plei Brel Dor), Mục sư Puih Blik (Ủy viên Ban đại diện Tin Lành – Quản nhiệm Chi hội Tin Lành Plei Mơ Nú tại xã Chư Á, thành phố Pleiku) vào tháng 6.2017.

(5) Năm 1982, địa giới tỉnh Gia Lai ngày nay gồm có 8 huyện, thị xã: thị xã Pleiku, huyện Chư Păh, Chư Prông, Chư Sê, Mang Yang, An Khê, Ayun Pa, Krông Pa.

Tài liệu tham khảo

Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX. (2004). *Thông báo số 160-TB/TW Về chủ trương công tác đối với đạo Tin Lành, ngày 15-01-2004*. Hà Nội.

Ban Dân vận Trung ương. (2005). *Báo cáo tình hình đạo Tin Lành ở Tây Nguyên và Bình Phước*. Hà Nội.

Bộ Chính trị. (1990). Nghị quyết số 24/NQ-TW của Bộ Chính trị khóa VI về *Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới, số 24/NQ-TW ngày 16-10-1990*. Hà Nội.

Bộ Chính trị. (1998). Thông báo số 184-TB/TW ngày 30-11-1998 *Về chủ trương công tác đối với đạo Tin Lành trong tình hình mới*. Hà Nội.

Công an tỉnh Gia Lai. (1995). *Báo cáo tình hình đạo Tin Lành ở Gia Lai và đề xuất giải pháp*. Gia Lai.

Công an tỉnh Gia Lai. (2000). *Số liệu tổng hợp chi hội, tín đồ Tin Lành tỉnh Gia Lai*. Gia Lai.

Công an tỉnh Gia Lai. (2001). *Tình hình hoạt động của các tôn giáo ở Gia Lai trong năm 2000*. Gia Lai.

Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) tỉnh Gia Lai. (2016). *Số liệu thống kê tín đồ Hội thánh qua các năm*. Gia Lai.

Đoàn Triệu Long. (2004). *Hoạt động truyền đạo Tin Lành trái phép ở Gia Lai hiện nay – Thực trạng và giải pháp*. Luận văn Thạc sĩ khoa học Tôn giáo. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Hà Nội.

Ngô Văn Minh. (2016). *Hoạt động của đạo Tin Lành ở Gia Lai sau 10 năm triển khai thực hiện chủ trương đăng ký điểm nhóm*. *Tạp chí Khoa học chính trị, số 7-2016, 59*.